TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-10-2019
V/v tranh chấp Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: - Ông Châu Nam Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Thanh Hoàng;

- Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Châu Kim Sol, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều, Kiểm sát viên.

Trong Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số: 54/2018/TLST-HNGĐ Ngày 05 tháng 3 năm 2019, về việc: *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HNGĐ Ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm: 1985; địa chỉ nơi cư trú: Ấp D, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Thúy L, sinh năm: 1975; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 5, Khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thúy L kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, theo giấy chứng nhận kết hôn số

14/KH-UB Ngày 03/3/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ tháng 6/2018 đời sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, không có tiến nói chung, chị L không tôn trọng danh dự nhân phẩm của anh P, cuộc sống vợ chồng không phù hợp nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, nên anh P yêu cầu ly hôn với chị L.

- Về con chung: anh P và chị L có 02 con chung tên Nguyễn Trần Kim N, sinh ngày 13/01/2014 và Nguyễn Trần Kim N1, sinh ngày 27/9/2017; anh P đồng ý để con chung cho chị L nuôi dạy, anh P không cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: không có.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, chị Trần Thị Thúy L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh P kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chi Lăng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 14/KH-UB ngày 03/3/2014. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chúng tôi sống hạnh phúc, nhưng do chồng anh P điều kiện công tác xa, nên anh P có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nên bỏ vợ con, không về thăm nom, chăm sóc con từ năm 2017 đến nay, mặc dù chị L đã nan nỉ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P vẫn không về; Do vẫn còn thương anh P, đồng ý cho anh P cơ hội hàn gắn, nên chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh P.

- Về con chung: Chị Trần Thị Thúy L đồng thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Trần Kim N, sinh ngày 13/01/2014 và Nguyễn Trần Kim N1, sinh ngày 27/9/2017 đang sống với chị; nếu như Tòa án cho ly hôn, chị có nguyên vọng được nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Hội đồng xét xử: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật gồm một thẩm phán, hai Hội thẩm nhân dân;

+ Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Nhận thấy, hôn nhân giữa anh P và chị L tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn hợp pháp nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Quá trình vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, chủ yếu về chuyện tiền bạc và thời gian hai vợ chồng ít gặp nhau, tại phiên tòa bị đơn chị L xin đoàn tụ nên cần có thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: do không chấp nhận đơn xin ly hôn nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về pháp luật áp dụng: Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa chị L và anh P được xác lập vào năm 2011, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng P và chị Trần Thị Thúy L tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, theo giấy chứng nhận kết hôn số 14/KH-UB Ngày 03/3/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng.

Theo biên bản xác minh tại địa phương thì địa phương không rõ việc mâu thuẫn gia đình của anh P; Anh P và chị L đều thống nhất vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay mà không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, không đoàn tụ được. Theo chị L trình bày, quá trình hòa giải chị đã cố gắng đem theo 02 đứa con nhỏ đến mục đích để anh P thương xót, đoàn tụ nhưng lại bị anh P hắt hủi các con mà không thương tiếc; chị và gia đình đã đến gia đình tại nhà của anh P để hòa giải nhưng lại bị anh P xua đuổi. Tại phiên tòa hôm nay, anh P kiên quyết xin ly hôn, điều này cho thấy anh P không còn tình cảm với chị L nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử nghỉ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P.

[2.2] Về quan hệ con chung: anh P và chị L có 02 con chung tên Nguyễn Trần Kim N, sinh ngày 13/01/2014 và Nguyễn Trần Kim N1, sinh ngày 27/9/2017. Hiện hai đứa con đang chung sống với chị L.

Trường hợp ly hôn thì anh P đồng ý giao hai đứa con chung cho chị L nuôi dưỡng. Chị L xin quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy chị L là người trực tiếp nuôi con từ khi hai người sống ly thân đến nay, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai đứa con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Trần Thị Thúy L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Hoàng P thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[2.3] Về quan hệ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Thúy L không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng P cấp dưỡng nuôi con và anh P không tự nguyện cấp dưỡng nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung, anh Nguyễn Hoàng P và chị Trần Thị Thúy L không yêu cầu Tòa án giải quyết và cùng khai nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hồi đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Hoàng P phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Chị Trần Thị Thúy L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 11, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng P.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Hoàng P được ly hôn với chị Trần Thị Thúy L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14/KH-UB, quyển số 01/2014 Ngày 03/3/2014 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Thúy L được tiếp tục nuôi 02 đứa con chung tên Nguyễn Trần Kim N, sinh ngày 13/01/2014 và Nguyễn Trần Kim N1, sinh ngày 27/9/2017.

Anh Nguyễn Hoàng P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Thúy L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Hoàng P thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Hoàng P phải chịu *300.000đ (ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* mà anh P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên theo biên lai thu số TU/2016/0014546 Ngày 05 tháng 3 năm 2019.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 Ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Hoàng P và chị Trần Thị Thúy L có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS nhân dân H. Tịnh Biên (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang(1);
- Thi hành án DS H. Tịnh Biên(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Châu Nam Phú